

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **187/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/9/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 241/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

3. *Người làm chứng:* Bà Đào Thị Dân, sinh năm 1965, Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Bùi Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 08 tháng 9 năm 2014 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng

04 năm thì vợ chồng cùng nhau đi lao động tại Nhật Bản. Tuy nhiên, khi sang lao động tại Nhật Bản, do mỗi người làm một công ty ở một thành phố khác nhau nên vợ chồng ít thời gian gặp nhau và dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có thời gian để gần gũi chia sẻ, anh T ít khi hỏi han quan tâm chị D. Đồng thời, anh T không chịu làm ăn, thường xuyên ăn chơi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2021, D trở về Việt Nam và có nói chuyện với anh T để vợ chồng cùng nhau về nước vun đắp và hàn gắn gia đình nhưng anh T không chịu và đồng thời cũng chủ động cắt đứt liên lạc. Từ đó, chị D cũng về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị D ly hôn với anh Bùi Văn T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc D3, sinh ngày 27/10/2014. Hiện nay, cháu Bùi Ngọc D3, sinh ngày 27/10/2014 đang ở cùng chị D và ông bà ngoại tại thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương. Bản thân chị D hiện nay cũng có nơi cư trú và việc làm ổn định có đủ khả năng để nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Đề nghị Tòa án giao cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D3 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Đào Thị D1 là mẹ đẻ của anh Bùi Văn T. Tại các biên bản lấy lời khai, bà D1 trình bày: Anh T và chị D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2014 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh T đang lao động tại Nhật Bản. Anh T đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn tuy nhiên trường hợp chị D kiên quyết muốn ly hôn thì anh T nhất trí đồng ý ly hôn chị D để cả hai sớm ổn định cuộc sống riêng. Về con chung, do anh T đang ở nước ngoài, chưa thể về nước ngay nên đồng ý tạm giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Ngọc D3, sinh ngày 27/10/2014.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 11563/QLXNC-P5 ngày 08/6/2022 thể hiện: Anh Bùi Văn T, sinh ngày 28/8/1995, có thông tin xuất cảnh ngày 04/12/2018 bằng hộ chiếu số C5756487 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, chị D, anh T, bà Dân đều vắng mặt (chị D có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã

chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị D và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Bùi Văn T; về con chung, giao cháu Bùi Ngọc D3, sinh ngày 27/10/2014 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn T, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, chị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 08 tháng 9 năm 2014 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì vợ chồng cùng nhau đi lao động tại Nhật Bản. Tuy nhiên, khi sang lao động tại Nhật Bản, do mỗi người làm một công ty ở một thành phố khác nhau nên vợ chồng ít thời gian gặp nhau và dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có thời gian để gần gũi chia sẻ, anh T ít khi hỏi han quan tâm chị D. Đồng thời, anh T không chịu làm ăn, thường xuyên ăn chơi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2021, Dương trở về Việt Nam và có nói chuyện với anh T để vợ chồng cùng nhau về nước vun đắp và hàn gắn gia đình nhưng anh T không chịu và đồng thời cũng chủ động cắt đứt liên lạc. Từ đó, chị D cũng về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. HĐXX xét thấy, hôn nhân của chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị D ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị D và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc D3, sinh ngày 27/10/2014. Hiện nay, cháu D3 đang ở cùng chị D và ông bà ngoại. Do cháu D3 vẫn còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của mẹ. Bản thân chị D hiện nay cũng có nơi cư trú và việc làm ổn định có đủ khả năng để nuôi dưỡng chăm sóc cháu đầy đủ. Do đó, chị D đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân chị D có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Anh T đang lao động tại Nhật Bản, chưa thể về nước. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, anh T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do chị D tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này chị D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Ngọc D3, sinh ngày 27/10/2014 từ tháng 9/2022 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D có quyền khởi kiện yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số [AA/2021/0000362](#) ngày 17/5/2022. Chị D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn